

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và ông Hồ Sỹ Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thế, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1973. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Số 151 đường , tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu công nhận thuận T ly hôn đề ngày 15 tháng 6 năm 2022, đơn trình bày ngày 08/8/2022, ông Nguyễn Việt T trình bày: Anh Nguyễn Việt T và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Mạc, huyện D, tỉnh H1 vào ngày 11/02/2000. Quá trình chung sống do bất đồng chính kiến, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 2 người con chung là Nguyễn Việt Phương T1, sinh ngày 11/9/2000; Nguyễn Việt Tr, sinh ngày 17/6/2008. Đối với cháu T1 đã trên 18 tuổi, có công việc làm ổn định nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Tr cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu Trung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn như ông T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã nhau. Năm 2021, ông T cũng đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Do vẫn không khắc phục được mâu thuẫn nên hai người cùng làm đơn yêu cầu công nhận thuận T ly hôn nhưng vì con nên bà T xin đoàn tụ vợ chồng. Nay ông T cương quyết ly hôn, bà T nhận thấy T cảm vợ chồng cũng không còn, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống nên cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của ông T.

Về việc nuôi con: Bà T thừa nhận ông T trình bày về con chung là đúng và bà T đồng ý với yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của ông T.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Việt T. Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Việt T và bà Hoàng Thị T có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận T ly hôn đề ngày 15/6/2022. Ngày 18/7/2022 Tòa án tiến hành hòa giải để ông T, bà T đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, hòa giải đoàn tụ không thành, các đương sự không thỏa thuận được về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do đó, Tòa án có Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự, giữa người yêu cầu là ông Nguyễn Việt T và bà Hoàng Thị T để thụ lý vụ án hôn nhân gia đình nói trên và giải quyết theo thủ tục chung do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Việt T và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H1, huyện D, tỉnh H1 vào ngày 11/02/2000 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung giữa 2 người đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không thể khắc phục được. Anh Nguyễn Việt T cũng đã từng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được khắc phục nên hai người đều có nguyện vọng ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà T đã làm cho hôn nhân lâm vào T trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2] Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Người con chung là Nguyễn Việt Phương T1 đã thành niên nên các đương sự không yêu cầu xem xét về việc nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Việt Tr hiện đang ở cùng bà Hoàng Thị T, ông T có yêu cầu giao cháu Trung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T cũng có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trung và cháu Trung cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tháng 2.000.000đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trung đủ 18 tuổi là phù hợp, nên cần chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Việt T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt T được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Việt Tr, sinh ngày 17/6/2008 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Việt T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trung đủ 18 tuổi.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Việt T còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Việt T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004110, ngày 16/6/2022 và biên lai số AA/2021/0004085, ngày 08/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Ông T còn phải nộp thêm số tiền án phí 300.000 đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 150.000 đồng tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004109, ngày 16/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc.

4. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Hòa Mạc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Phan Thị Xuân Huế

